

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 162/2025/DS-PT

Ngày 27-3-2025

V/v “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố
hợp đồng chứng thực vô hiệu*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;

Các Thẩm phán: 1. Bà Đặng Thị Đồng;

2. Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân Tây Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 27 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 615/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024, về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng chứng thực vô hiệu*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2024/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1953 (Có mặt).

2. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1965 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, Tây Ninh.

3. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông C và bà D là ông Đặng Tân L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2022) – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị T: Ông Nguyễn Hữu L1 - Luật sư thực hiện quyền trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh T (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G là ông Phạm Thanh Đ, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tỉnh lộ 19, tổ A, khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/01/2023) – Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Â, sinh năm 1980 (Vắng mặt).
2. Ông Nguyễn Huỳnh Phi H, sinh năm 1983 (Vắng mặt).
3. Bà Nguyễn Huỳnh Phi Thi Yến N, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
4. Bà Nguyễn Huỳnh Phi Thi Thanh T1, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

5. Bà Phạm Thị Ý, sinh năm 1953 (Vắng mặt).
6. Bà Huỳnh Thị L2, sinh năm 1974 (Vắng mặt).
7. Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1977 (Vắng mặt).
8. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
9. Bà Huỳnh Thị Ngọc T2, sinh năm 1982 (Vắng mặt).
10. Ông Huỳnh Chí T3, sinh năm 1985 (Vắng mặt).
11. Ông Huỳnh Hiếu N1, sinh năm 1988 (Vắng mặt).
12. Ông Huỳnh Hiếu D1, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

13. Bà Ngô Thị B1, sinh năm 1963 (Có mặt).
14. Ông Huỳnh Văn C1, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

15. Bà Huỳnh Thị Tuyết H1, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 337/6A, Trần Xuân Soạn, phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành Phố HCM

16. Bà Huỳnh Thị Tuyết N2, sinh năm 1989 (Vắng mặt).
17. Bà Huỳnh Thị Tuyết G1, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: B O, 3-33-17 S, T, J (Nhật bản)

18. Bà Huỳnh Thị Tuyết M, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: N.15-1, A, L3.50, Zhonghua RD, Sanchong Disk, New Taipei City B, Taiwan (R) (Đường T, phường A, Đ, Đài Loan)

19. Ông Nguyễn Quang K, sinh năm 1976 và bà Trình Thị Thùy L4, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số C, đường C, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

20. Ông Trương Công T4, sinh năm 1975 và bà Lê Thị Thanh T5, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

21. Ông Đặng Văn H2, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

22. Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T6, chức vụ: Chủ tịch UBND xã T (Vắng mặt).

23. Ngân hàng N4.

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Phạm Toàn V](#), chức vụ: Tổng giám đốc [Ngân hàng N4](#).

Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên: Ông [Huỳnh Thành C2](#), chức vụ: Giám đốc [Ngân hàng N4](#) – [Chi nhánh huyện G, tỉnh Tây Ninh](#) (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông [Huỳnh Thành C2](#) là ông [Đoàn Phú T7](#), chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng của [Ngân hàng N4](#) - [Chi nhánh huyện G, tỉnh Tây Ninh](#) (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2024) (Vắng mặt).

* Người kháng cáo: ông [Huỳnh Văn C](#), bà [Huỳnh Thị T](#), bà [Huỳnh Thị G](#) là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2022, trong quá trình làm việc đối với các nguyên đơn và tại phiên tòa - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông [Đặng Tân L](#) trình bày:

Cha mẹ của nguyên đơn và bị đơn là cụ [Huỳnh Văn M1](#) (sinh năm 1928, chết năm 1988) và cụ Phan Thị Á (sinh năm 1932, chết năm 2012). Hai cụ có 07 người con chung, gồm: [Huỳnh Thị T](#), [Huỳnh Văn C](#), [Huỳnh Thị D](#), [Huỳnh Thị G](#), [Huỳnh Văn M2](#) (chết năm 2010), [Huỳnh Thị T8](#) (chết năm 2013) và [Huỳnh Văn Q](#) (chết năm 2015). Ngoài ra, không có con nuôi, con riêng nào khác. Khi còn sống, hai cụ tạo lập được những tài sản như sau: Phần đất có diện tích 11.561,8 m², thuộc các thửa đất số 630, 631, 632, 633, 634, 635, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại [ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh](#) (loại đất ONT: 400 m² + CLN: 5.288,1 m² + HNK: 5.873,7 m²) và phần đất có diện tích 6.365,7 m², thuộc các thửa 757, 743, 777, 794, tờ bản đồ số 14; tọa lạc tại [ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh](#) (loại đất LUC: 6.365,7 m²). Khi cụ Á chết, các anh em đã thỏa thuận bằng lời nói là phần đất 11.561,8 m², mỗi người con được 10m chiều ngang x dài khoảng 58m, còn phần đất 6.365,7 m² chia cho ông [Huỳnh Văn C](#) được hưởng.

Bà [Huỳnh Thị G](#) tự nguyện đứng ra nhận làm giấy đất cho các anh em và cháu trong gia đình. Ngày 30/12/2016 âm lịch (ngày đám giỗ của cụ [Á1](#), tổ chức tại nhà bà [G](#)), cán bộ Tư pháp [UBND xã T](#) có đem văn bản phân chia di sản thừa kế cho các anh chị em và cháu trong gia đình ký tên. Bà [T](#), bà [D](#) có hỏi kí giấy tờ gì thì được cho biết giấy chia đất mỗi người 10m ngang, nghe nói vậy thì mỗi người đều ký tên, nhưng không đọc lại toàn bộ nội dung cho mỗi người nghe. Đối với bà [D](#) còn cho rằng đến nay mới biết phần đất mà bà được hưởng tặng cho bà [G](#). Cách ngày khởi kiện (ngày 18/8/2022) khoảng 02 tuần, các nguyên đơn mới biết văn bản đã ký là Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016. Hơn nữa, trong Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 thì về phần của bà [Huỳnh Thị T8](#) thì do ông [Nguyễn Huỳnh Phi H](#) là đại diện, thực tế là bà [T8](#) có 4 người con, nhưng chỉ có một mình ông [H](#) ký tên vào văn bản tương phân; về phần của ông [Huỳnh Văn M2](#) thì do ông [Huỳnh Hiếu D1](#) làm đại diện, thực tế ông [M2](#) có 7 người con, nhưng chỉ có một mình ông [D1](#) ký tên; về phần của ông [Huỳnh Văn Q](#) thì do [Huỳnh Văn C1](#) là đại diện, thực tế ông [Q](#) có 5 người con, nhưng chỉ có một mình ông [C1](#) ký tên. Do đó, về phần hàng thừa kế trong Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Theo thỏa thuận miệng phân chia trong gia đình, bà [G](#) chỉ được hưởng

khoảng 1.200m², nhưng bà G lại được hưởng gần 5.000m² (trong đó có phần đất mồ mã của hai cụ, đáng lẽ phải giao cho ông C được hưởng).

Do đó, các nguyên đơn yêu cầu tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 do UBND xã T chứng thực, số chứng thực 57, quyền số 02/2016TP/CC-SCT/HĐGD là vô hiệu, vì đưa thiếu người tham gia ký kết, có sự nhầm lẫn vì khi ký bà D tưởng được hưởng 10m chiều ngang, nhưng thực tế là giao cho bà G hưởng. Ngoài ra, việc cản trở nợ tiền của bà D không biết vì không có bản án hay giấy tờ gì thể hiện nên không có việc lấy đất cản trở nợ như bà G trình bày.

Hiện tại, ông Huỳnh Văn C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 631/5118,7m², tờ bản đồ số 23 và các thửa đất số 743, 757, 777, 794/6.365,7m², tờ bản đồ số 14, đều tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Bà Huỳnh Thị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 633/644,3m², tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Ông C và bà T không có ý kiến về việc UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L không đề xuất xem xét đến vấn đề hàng thừa kế, chỉ xem xét Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 không được đọc lại cho tất cả mọi người cùng nghe, không đúng với thỏa thuận ban đầu về mỗi người được hưởng 10m chiều ngang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T là ông Nguyễn Hữu L1 trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của ông L và bổ sung thêm Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 được ký không đúng với nguyện vọng của bà T, ông C và bà D vì giao cho bà Huỳnh Thị G đứng tên phần mồ mã của gia đình, gây khó khăn cho việc thăm mồ mã của ông bà nên trước đó có sự việc xảy ra xô xát giữa hai bên.

Nguyên đơn – bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông L và ông L1. Năm 2012 bà Á chết, các anh em trong gia đình thỏa thuận phần 11.561,8 m² chia cho mỗi người 10m chiều ngang, đã cắm trụ cột sẵn để sử dụng. Hiện tại, bà đang sử dụng phần đất có chiều ngang 11m.

Nguyên đơn – bà Huỳnh Thị D trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông L. Năm 2012, các anh em trong gia đình đã thỏa thuận cho cho mỗi người 10m chiều ngang trong phần diện tích 11.561,8 m², khi đó bà không ở địa phương nên không quản lý. Trước đây, bà có nợ bà Nguyễn Thị C3 và bà Huỳnh Thị T8 tiền hụi, nhưng đã thanh toán gần xong nên không có việc bà ký tên Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 để cản trở tiền này cho bà G hưởng đất.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Thanh Đ trình bày: Về quan hệ nhân thân, di sản thừa kế của cụ M1 và cụ A1 thống nhất theo lời trình bày của ông L. Bà G có đứng ra làm thủ tục phân chia di sản thừa kế và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các anh chị em và cháu trong gia đình đối với phần di sản của cụ M1 và cụ A1. Ngày 05/9/2016, tại nhà bà G tổ chức đám hỏi cho con gái nên có mời các anh chị em và con cháu đến dự và ký các văn bản phân chia di sản thừa kế do cán bộ tư pháp UBND xã T thực hiện. Bà G thống nhất các anh em và cháu trong gia đình có thỏa thuận chia mỗi chi 10m chiều ngang, bà G có thêm 10m chiều ngang do thờ cúng cha mẹ. Việc bà D không được chia đất theo như văn bản phân chia mà đã thỏa thuận trước đó là do bà D nợ tiền của bà T8 nên bà D lấy 05m chiều ngang (trong 10m được hưởng) cản trở nợ cho gia đình bà

T8 nên chồng của bà T8 là ông Nguyễn Văn Á2 có đứng ra bán đất 15m chiều ngang cho bà G; riêng 5m chiều ngang còn lại thì bà D có thiếu nợ bà Phan Thị C4 nên cần trừ nợ phần đất này cho bà C4 nên bà G mua lại phần đất này của bà C4, tổng cộng bà G được hưởng gần 40m chiều ngang. Trước khi ký, cán bộ tư pháp UBND xã T có đọc lại cho tất cả anh em và cháu trong gia đình nghe, mỗi người đồng ý nên ký tên vào Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016. Từ văn bản trên, bà G đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các anh em và cháu trong gia đình đứng tên. Sau đó, bà G đã giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được hưởng theo như văn bản phân chia. Bà G được hưởng các thửa đất như sau: thửa 630/4.344,5m² và thửa 634/288,7m², đều thuộc tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Đối với thửa 630/4.344,5m², bà G và ông Đặng Văn H2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thế chấp cho Ngân hàng N5 - Chi nhánh G vay 370.000.000 đồng ngày 22/12/2022, sau đó trả và tiếp tục vay 400.000.000 đồng. Đối với thửa đất số 634/288,7m², bà G đã chuyển nhượng cho ông Trương Công T4 và bà Lê Thị Thanh T5 vào ngày 24/05/2017 với giá là 100.000.000 đồng nên hiện nay vợ chồng ông T4 đứng tên. Bà G không chấp nhận yêu cầu tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 do UBND xã T chứng thực, số chứng thực 57, quyền số 02/2016TP/CC- SCT/HĐGD là vô hiệu vì văn bản này chứng thực hợp pháp. Ngoài ra, ông yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu đối với việc tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 vô hiệu, vì nội dung đã thỏa thuận chia đất rõ ràng và các bên đã đồng ý ký tên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông chỉ đề nghị xem xét tính hợp pháp của Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 do UBND xã T chứng thực, số chứng thực 57, quyền số 02/2016TP/CC- SCT/HĐGD, không liên quan đến việc phá hoại tài sản, không xem xét đến việc cần trừ nợ và việc phân chia di sản đã được các bên thực hiện đúng theo thỏa thuận. Đối với việc UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà G có phần mờ mả của gia đình thì phía nguyên đơn có quyền khiếu nại đến UBND huyện G về thủ tục hành chính, không liên quan đến vụ việc này.

Bị đơn – bà Huỳnh Thị G trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông D, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Đặng Văn H2 đã khai: Đất do gia đình bên vợ giao cho bà Nguyễn Thị G2 được hưởng 4.344,5m², thuộc thửa đất số 630, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Sau đó, vợ chồng ông cùng đứng tên và đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho Ngân hàng N6 – Chi nhánh G để vay 370.000.000 đồng. Ông không đồng ý đối với yêu cầu của bà T, ông C và bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Huỳnh Phi H, bà Nguyễn Huỳnh Phi Thị Yên N, bà Nguyễn Huỳnh Phi Thị Thanh T1 đã khai: Các ông bà là con của bà Huỳnh Thị T8 và ông Nguyễn Văn Á2. Theo thỏa thuận bà T8 được chia 10m chiều ngang + 05m chiều ngang do bà Huỳnh Thị D cần trừ tiền nợ hụi nên ông Á có đứng ra bán 15m chiều ngang cho bà G2, có làm giấy tay mua bán. Ngày 05/9/2016, anh em có ký văn bản giao cho ông Huỳnh Phi H đại diện các anh em ký Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 đối với các anh chị em của mẹ, khi đó có đọc lại nội dung cho mỗi người cùng nghe và ký tên. Lý do ông H đại diện gia đình từ chối nhận 10m chiều ngang vì đã chuyển nhượng cho bà G2. Hiện tại, các anh chị và cả ông Nguyễn Văn Á không có ý kiến gì về

việc ký kết Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T và bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Huỳnh Thị L2, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị Ngọc T2, ông Huỳnh Chí T3, ông Huỳnh Hiếu N1 và ông Huỳnh Hiếu D1 đã khai:

Các ông bà là con của ông Huỳnh Văn M2 và bà Nguyễn Thị Ý1. Vào ngày 05/9/2016, các anh chị em có ký văn bản giao cho ông Huỳnh Hiếu D1 đại diện ký Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 với những hàng thừa kế của ông bà nội để nhận phần đất có nguồn gốc từ ông bà nội chia cho cha để hưởng thừa đất số 635/569,8m², tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Sau đó, ông D1 đã tặng cho lại ông Huỳnh Hiếu T9 và hiện tại đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quang K và bà Trinh Thị Thùy L4 với giá 1.000.000.000 đồng. Nay các anh em ông không tranh chấp hay yêu cầu trong vụ án này. Vì gia đình đã nhận đủ phần đất được chia ngang 10m đất tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh nên không đồng ý tuyên bố Văn bản phân chia thừa kế ngày 05/9/2016 là vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Phạm Thị Ý đã khai: Bà thống nhất với lời trình bày của các con.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Huỳnh Văn C1, bà Huỳnh Thị Tuyết H1, bà Huỳnh Thị Tuyết N2 và bà Huỳnh Thị Tuyết G1 đã khai: Các ông bà là con của ông Huỳnh Văn Q và bà Nguyễn Thị B2. Vào ngày 05/9/2016, các anh chị em có ký văn bản giao cho ông Huỳnh Văn C1 đại diện ký Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 với những hàng thừa kế của ông bà nội để nhận phần đất có nguồn gốc từ ông bà nội chia cho cha là thừa đất số 632/595m², tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Khi ký văn bản phân chia, cán bộ UBND xã T đã đọc lại rõ cho các bên cùng nghe rõ mới đồng ý ký tên xác nhận đúng như thỏa thuận chia đất như sau:

- Chia cho ai cũng 10m ngang đất và bà D cũng được chia 10m ngang đất này nên bà D gán nợ cho bà Huỳnh Thị T8 05m chiều ngang, 05m chiều ngang còn lại bà D gán nợ cho bà Phan Thị C4, sau đó bà C4 bán lại cho bà G2 nên giao 10 chiều ngang cho bà G2 đứng tên phần đất này. Vì vậy, bà D mới ký không nhận tài sản gì cả trong văn bản thỏa thuận phân chia.

- Chia thêm ông C nhiều đất khác do ông C còn nhỏ.

- Chia cho bà G2 cũng như anh chị em khác 10m chiều ngang và chia thêm 10m chiều ngang để làm đất hương hỏa thờ cúng cha mẹ, bà G2 mua thêm 15m chiều ngang đất của bà Huỳnh Thị T8 và 05m chiều ngang mua từ bà C4, cùng 01 phần nhỏ do ông C cho.

Sau khi ông C1 đứng tên phần đất được chia, ông C1 tặng cho lại bà Ngô Thị B1 và tiếp tục tặng cho bà Huỳnh Thị Tuyết H1 đứng tên đối với thừa đất này. Vì gia đình đã nhận đủ phần đất được chia 10m chiều ngang tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh nên không đồng ý tuyên bố Văn bản phân chia thừa kế ngày 05/9/2016 là vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Huỳnh Thị Tuyết M đã khai: Bà là con của ông Huỳnh Văn Q và bà Nguyễn Thị B2. Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 đã được giao cho từng chi của ông bà nội ký tên, phần đất của các anh em trong gia đình bà đã nhận, bà không tranh chấp với bà G2 hay hàng thừa kế của ông bà nội nên không đồng ý tuyên bố Văn bản phân chia thừa kế ngày 05/9/2016 là vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà [Ngô Thị B1](#) trình bày: Bà là vợ của ông [Huỳnh Văn Q](#). Ngày 05/9/2016, tại nhà bà [G2](#) thì cán bộ tư pháp [UBND xã T](#) có đọc lại toàn bộ nội dung Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 cho mỗi người nghe, anh chị em và con cháu bên chồng thống nhất nên kí tên. Bà thống nhất ý kiến của các con không đồng ý tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 là vô hiệu vì đã thỏa thuận chia đất rõ ràng và các bên đã đồng ý kí tên. Ngoài ra, bà và ông [Huỳnh Văn C](#) có tranh chấp liên quan đến một phần đất ông [C](#) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 631/5118,7m². Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024 của TAND huyện Gò Dầu đã có hiệu lực pháp luật, bà được hưởng phần diện tích 297,7m², thuộc thửa đất 731 (trích từ thửa 631), tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại [ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh](#).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – [UBND xã T](#), do ông [Phan Văn T6](#) đã trình bày theo Văn bản số 142/CV-UBND ngày 07/12/2022: Ủy ban nhân dân xã T có chứng thực Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 với số chứng thực 57, quyền số 02/2016TP/CC- SCT/HĐGD. Tại thời điểm chứng thực có mặt của các bên ký tên đầy đủ trong Văn bản phân chia di sản thừa kế bao gồm ông [Nguyễn Huỳnh Phi H](#) (là con làm đại diện thừa kế cho mẹ là bà [Huỳnh Thị T8](#) đã chết), ông [Huỳnh Hiếu D1](#) (là con làm đại diện thừa kế cho cha là ông [Huỳnh Văn M2](#) đã chết), bà [Huỳnh Thị T](#), bà [Huỳnh Thị D](#), bà [Huỳnh Thị G](#), ông [Huỳnh Văn C](#) và ông [Huỳnh Văn C1](#) (là con làm đại diện thừa kế cho cha là ông [Huỳnh Văn Q](#) đã chết) đối với các phần đất đã được thể hiện cụ thể trong Văn bản phân chia di sản thừa kế như trên. Các con của bà [Huỳnh Thị T8](#) (đã chết) bao gồm ông [Nguyễn Huỳnh Phi H](#), bà [Nguyễn Huỳnh Phi Thị Yến N](#), bà [Nguyễn Huỳnh Phi Thị Thanh T1](#) và ông [Nguyễn Văn Â1](#) có ký Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 có số chứng thực 54, quyền số 02/2016TP/CC-SCT/HĐGD với nội dung là bà [Nguyễn Huỳnh Phi Thị Yến N](#), bà [Nguyễn Huỳnh Phi Thị Thanh T1](#) và ông [Nguyễn Văn Â1](#) đồng ý giao lại toàn bộ di sản cho ông [Nguyễn Huỳnh Phi H](#) được nhận nên ông [Nguyễn Huỳnh Phi H](#) là người đại diện ký Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 với số chứng thực 57, quyền số 02/2016TP/CC-SCT/HĐGD như trên. Các con của ông [Huỳnh Văn Q](#) (đã chết) bao gồm ông [Huỳnh Văn C1](#), bà [Huỳnh Thị Tuyết H1](#), bà [Huỳnh Thị Tuyết G1](#) và bà [Huỳnh Thị Tuyết N2](#) có ký Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 có số chứng thực 55, quyền số 02/2016TP/CC-SCT/HĐGD với nội dung là bà [Huỳnh Thị Tuyết H1](#), bà [Huỳnh Thị Tuyết G1](#) và bà [Huỳnh Thị Tuyết N2](#) đồng ý giao lại toàn bộ di sản cho ông [Huỳnh Văn C1](#) được nhận nên ông [Huỳnh Văn C1](#) đây được nhận nên ông [Huỳnh Văn C1](#) đây là người đại diện ký Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 với số chứng thực 56, quyền số 02/2016TP/CC-SCT/HĐGD như trên. Các con của ông [Huỳnh Văn M2](#) (đã chết) bao gồm ông [Huỳnh Hiếu D1](#), ông [Huỳnh Hiếu N1](#), ông [Huỳnh Chí T3](#), bà [Huỳnh Thị P](#), bà [Huỳnh Thị L2](#), bà [Huỳnh Thị B](#) và bà [Huỳnh Thị Ngọc T2](#) có ký Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 có số chứng thực 56, quyền số 02/2016TP/CC-SCT/HĐGD với nội dung là ông [Huỳnh Hiếu N1](#), ông [Huỳnh Chí T3](#), bà [Huỳnh Thị P](#), bà [Huỳnh Thị L2](#), bà [Huỳnh Thị B](#) và bà [Huỳnh Thị Ngọc T2](#) đồng ý giao lại toàn bộ di sản cho ông [Huỳnh Hiếu D1](#) được nhận nên ông [Huỳnh Hiếu D1](#) là người đại diện ký Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 với số chứng thực 57, quyền số 02/2016TP/CC- SCT/HĐGD như trên.

Các bên khi đến giao dịch chứng thực, Công chức Tư pháp [xã T](#) đều có kiểm tra tính pháp lý hồ sơ rõ ràng, đầy đủ, tiếp xúc hỏi ý kiến trình bày ý định thỏa thuận của các bên làm việc gì và Công chức Tư pháp [xã T](#) đã căn cứ quy định của pháp luật đã giải thích rõ về quyền và nghĩa vụ hợp pháp và hậu quả pháp lý cho các bên nghe rõ, hiểu và đồng ý thực hiện thỏa thuận Văn bản phân chia di sản thừa kế. Tại thời điểm ký thỏa thuận Văn bản phân chia di sản thừa kế tất cả các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng người, đúng chủ thể, ý chí tự nguyện của các bên, không có dấu hiệu lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép. Vì vậy, nguyên đơn cho rằng Ủy ban nhân dân xã T chứng thực Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 thiếu sót hàng thừa kế của những người đã chết là hoàn toàn không đúng và việc nguyên đơn là bà [Huỳnh Thị D](#) cho rằng việc bà [Huỳnh Thị D](#) ký Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 với số chứng thực 57, quyền số 02/2016TP/CC-SCT/HĐGD không đúng với ý nguyện ban đầu của bà [Huỳnh Thị D](#) là hoàn toàn không có căn cứ. Sau khi chứng thực văn bản, Công chức Tư pháp [xã T](#) đã tiến hành bàn giao Văn bản phân chia di sản thừa kế cho các bên có liên quan cùng toàn bộ hồ sơ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên.

[Ủy ban nhân dân xã T](#) xét thấy đã chứng nhận Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 nêu trên hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục chứng thực và các văn bản luật khác liên quan. Do đó, Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án tiếp tục thực hiện Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 giữa các bên và không đồng ý tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 là vô hiệu theo như yêu cầu của các nguyên đơn vì Ủy ban nhân dân xã T đã chứng thực văn bản là hoàn toàn hợp pháp và không vi phạm pháp luật. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân xã T không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – [Ngân hàng N6](#), do ông [Huỳnh Thành C2](#) đã khai: Đến ngày 10/01/2024, bà [Huỳnh Thị G](#) còn nợ số tiền gốc 400.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5703-LAV202305211 ngày 25/12/2023. Để đảm bảo khoản nợ có thể chấp quyền sử dụng đất số CD 063592/CS03414 do [Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T](#) cấp ngày 20/9/2016. Trong vụ án này, ngân hàng đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông [Nguyễn Quang K](#) và bà [Trinh Thị Thùy L4](#) đã khai: Vợ chồng ông bà không có họ hàng gì đối với ông [Huỳnh Chí T3](#) nên có nhận chuyển nhượng đất của ông [T3](#) thửa đất số 635/569,8m², thuộc tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại [ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh](#) với giá trị thực tế là 1.200.000.000 đồng, giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng là 200.000.000 đồng, mục đích ghi trên hợp đồng thấp hơn giá chuyển nhượng thực tế là để nộp thuế ít. Hiện tại, vợ chồng ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang quản lý đất. Vợ chồng ông bà không đồng ý Tòa án Tuyên bố văn bản phân chia thừa kế năm 2016 mà Ủy ban nhân dân xã T đã chứng thực là vô hiệu, do vợ chồng ông bà đã mua đất hợp pháp từ ông [T3](#).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông [Trương Công T4](#) và bà [Lê Thị Thanh T5](#) đã khai: Nguyên vào năm 2017, vợ chồng ông bà có thỏa thuận mua của bà [Huỳnh Thị G](#) một thửa đất số 634/288,7m², thuộc tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại [ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh](#) với giá 30.000.000/m ngang x 5m ngang = 150.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất chứng thực vào ngày 24/5/2017, nhưng ghi giá chuyển nhượng là 17.000.000 đồng nhằm giảm 01 phần tiền thuế và lệ phí. Đến ngày

09/06/2017, vợ chồng ông bà đã được [Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T](#) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04204. Vợ chồng ông bà không đồng ý tuyên bố văn bản phân chia thừa kế năm 2016 mà [Ủy ban nhân dân xã T](#) đã chứng thực là vô hiệu, do vợ chồng ông bà đã mua đất hợp pháp từ bà [G](#).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông [Nguyễn Văn A](#): Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không ghi lời khai, không tiến hành hòa giải được, đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông tham gia phiên tòa nhưng ông [A](#) vắng mặt không có lý do.

**** Bản án sơ thẩm dân sự số 128/2024/DSST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:***

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi của ông [Huỳnh Văn C](#), bà [Huỳnh Thị T](#) và bà [Huỳnh Thị D](#) đối với bà [Huỳnh Thị G](#) về việc tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 05/9/2016 do [UBND xã T](#) chứng thực, có số chứng thực 57, quyền số 02/2016TP/CC-SCT/HĐGD vô hiệu.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự

- Yêu cầu kháng cáo:

Ngày 16/8/2024, bà [Huỳnh Thị T](#), ông [Huỳnh Văn C](#), bà [Huỳnh Thị D](#) có đơn kháng cáo cho rằng các ông bà không nhận được văn bản phân chia thừa kế, không đồng ý ký thỏa thuận giao bà [G](#) phần đất có mộ của cha mẹ

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà [Huỳnh Thị T](#), ông [Huỳnh Văn C](#), bà [Huỳnh Thị D](#) và ông [Đặng Tấn L](#) là người đại diện theo uỷ quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm dân sự của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T trình bày: Hiện tại bà [Huỳnh Thị G](#) đã nhận quyền sử dụng đất và trên đất có mộ cha mẹ của các đương sự, khi viếng mộ các anh chị em đã xảy ra mâu thuẫn, khi đó mọi người xác định có nhầm lẫn khi ký văn bản phân chia thừa kế, vì khi thỏa thuận các anh chị em không có ý giao bà [G](#) được quyền quản lý sử dụng phần đất có mộ của cha mẹ mà thống nhất giao cho ông [Huỳnh Văn C](#) phần này, nên nay yêu cầu bà [G](#) giao lại phần đất có mộ của cha mẹ để các anh chị em cùng quản lý sử dụng.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm dân sự của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông [Huỳnh Văn C](#), bà [Huỳnh Thị T](#), bà [Huỳnh Thị D](#) yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đương sự: huỷ văn bản công chứng, chứng thực là văn bản phân chia tài sản thừa kế do [Ủy ban nhân dân xã T](#), [huyện G](#) chứng thực, do khi chứng thực các nguyên đơn không được đọc văn bản, cũng không được nghe đọc lại văn bản; ngoài ra, hàng thừa kế thứ nhất có bảy (07) người, ba (03) người đã chết, cụ thể là bà [Huỳnh Thị T8](#) có bốn (04) người con, ông [Huỳnh Văn M2](#) có bảy (07) người con, ông [Huỳnh Văn Q](#) có năm (05) người con. Tuy nhiên, trong văn bản phân chia thừa kế chỉ có một người con đại diện ký tên vào văn bản phân chia thừa kế là chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Theo thỏa thuận miệng, trước khi có văn bản chia thừa kế thì bà [Huỳnh Thị G](#) chỉ được hưởng khoảng 1200 m² nhưng bà [G](#) lại được hưởng trên 4000 m²; trong đó có phần mồ mả của cha mẹ lẽ ra phải giao cho ông [Huỳnh Văn C](#) được quản lý, sử dụng.

Xét thấy: quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý tuyên bố văn bản phân chia thừa kế vô hiệu, vì trước khi ký văn bản phân chia thừa kế những người con của bà [Huỳnh Thị T8](#), ông [Huỳnh Văn M2](#) và ông [Huỳnh Văn Q](#) đã ký vào văn bản phân chia thừa kế giữa các anh, chị, em ruột trong nhà và thống nhất giao cho một (01) người nhận di sản thừa kế nên văn bản phân chia thừa kế được Ủy ban nhân dân xã chứng thực mỗi gia đình chỉ một (01) người ký tên là một phù hợp; văn bản đã được tất cả các đương sự ký tên đầy đủ thống nhất nhận di sản thừa kế của cụ [Huỳnh Văn M1](#) và cụ Phan Thị Á mỗi người là quyền sử dụng đất ngang 10 mét đã cấm trụ sẵn, đã được nhận đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có trường hợp đã chuyển nhượng cho người khác sử dụng ổn định.

Trong văn bản phân chia thừa kế bà [Huỳnh Thị G](#) được nhận 4633,2 m² có phần mồ mả của cha mẹ. Bà [Huỳnh Thị D](#) cho rằng không đồng ý giao đất trừ nợ cho bà [C4](#), bà [T8](#), trong văn bản phân chia thừa kế cũng không ghi nội dung bà [D](#) giao đất trừ nợ mà trong văn bản xác định anh [Nguyễn Huỳnh Phi H](#) (con bà [T8](#)) và bà [D](#) từ chối nhận di sản và tặng cho phần di sản thừa kế được hưởng; Các anh chị em của bà [D](#), các con của bà [Thế xác N3](#) bà [D](#) có giao 10 mét đất được hưởng cho gia đình bà [T8](#) 05 mét, tổng cộng gia đình bà thể nhận 15m² và bà [Phan Thị C4](#) 05 mét, (tổng 20 mét đất này đều do bà [G](#) nhận chuyển nhượng lại, cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Từ khi ký văn bản phân chia thừa kế vào ngày 05/9/2016 đến ngày 05/01/2024 mới phát sinh tranh chấp, nguyên nhân do có mâu thuẫn khi tảo mộ cha mẹ. Theo nguyên đơn trình bày thì có thỏa thuận miệng trước khi ký văn bản phân chia thừa kế thì bà [G](#) chỉ được

hưởng khoảng 1200 m²; tuy nhiên bị đơn và tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thừa nhận việc thỏa thuận này, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà [T](#) thừa nhận việc phân chia mỗi anh chị em trong gia đình được nhận phần đất có diện tích ngang 10m là từ trước khi ký văn bản thỏa thuận, và những phần đất này đã được cấm trụ ranh sẵn, đã nhận đất sử dụng, sau đó thực hiện việc ký văn bản phân chia thừa kế, có chứng thực của [Ủy ban nhân dân xã T](#), [huyện G](#), [tỉnh Tây Ninh](#), và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà [Huỳnh Thị T](#), ông [Huỳnh Văn C](#) và bà [Huỳnh Thị D](#) kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình

Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông [Huỳnh Văn C](#), bà [Huỳnh Thị T](#) và bà [Huỳnh Thị D](#) giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà [Huỳnh Thị T](#) được miễn án phí; ông [Huỳnh Văn C](#) và bà [Huỳnh Thị D](#) phải chịu án phí phúc thẩm dân sự 300.000 đồng, bà [Huỳnh Thị T](#) do tuổi cao nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông [Huỳnh Văn C](#), bà [Huỳnh Thị T](#) và bà [Huỳnh Thị D](#)

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 128/2024/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 117, 122, 500, 502, 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167, 168 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, 35, 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Huỳnh Văn C](#), bà [Huỳnh Thị T](#) và bà [Huỳnh Thị D](#) đối với bà [Huỳnh Thị G](#) về việc tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa

kể ngày 05/9/2016 do UBND xã T chứng thực, có số chứng thực 57, quyển số 02/2016TP/CC-SCT/HĐGD vô hiệu.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn C và bà Huỳnh Thị D phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0024928 ngày 21/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Bà Huỳnh Thị T được miễn án phí.

- Bà Huỳnh Thị G không phải chịu án phí.

3. Án phí phúc thẩm dân sự:

- Ông Huỳnh Văn C và bà Huỳnh Thị D phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí phúc thẩm dân sự, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0014376 ngày 19/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Bà Huỳnh Thị T được miễn án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TTN;
- TAND H. Gò Dầu;
- Chi cục THADS H.Gò Dầu;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;

- Lưu tập án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy

